

-도록

để, sao cho; đến mức

Diễn tả mục đích hoặc giới hạn của một hành động. Khác với -(으)려고, hai mệnh đề có thể có chủ ngữ khác nhau — chính điều đó khiến nó rất hữu ích.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Mọi động từ hoặc tính từ	-도록	않다 → 늦지 않도록
Gốc ㄹ giữ nguyên ㄹ	-도록	만들다 → 만들도록
Chủ ngữ khác nhau	được phép	아이들이 보도록 크게 썼어요
Mức độ, cho đến khi	-도록	밤이 새도록
Chỉ dẫn nhẹ nhàng	-도록 하다	늦지 않도록 하세요
Không bao giờ mang thì	chỉ dùng gốc từ nguyên dạng	갓도록 là sai

Khi nào dùng

Gắn -도록 vào mọi gốc từ — không có quy tắc nguyên âm, ㄹ giữ nguyên, không có thì phía trước.

Cách dùng chính là chỉ mục đích: 늦지 않도록 일찍 출발하세요. Điều quan trọng là người đạt được mục tiêu không nhất thiết là người thực hiện hành động: 아이들이 잘 볼 수 있도록 크게 썼어요. Với -(으)려고, câu đó không thể thành lập.

Cách dùng thứ hai đánh dấu mức độ hoặc giới hạn, gần với “cho đến khi”: 밤이 새도록 이야기했어요 (chúng tôi nói chuyện đến tận sáng), 목이 아프도록 노래했어요.

Gắn với 하다 nó tạo thành -도록 하다, một lời chỉ dẫn nhẹ nhàng thường gặp ở nơi làm việc và trong thông báo: 다음부터는 늦지 않도록 하세요. Nó mềm mỏng hơn câu mệnh lệnh trống trớn vì nêu mục tiêu thay vì ra lệnh.

Ví dụ trong câu

- 1 늦지 않도록 일찍 출발하세요.
Hãy xuất phát sớm để không bị muộn.
- 2 아이들이 잘 볼 수 있도록 크게 썼어요.
Tôi viết to để bọn trẻ có thể nhìn rõ.
- 3 감기에 걸리지 않도록 옷을 따뜻하게 입으세요.
Hãy mặc ấm để không bị cảm.
- 4 밤이 새도록 이야기를 나눴어요.
Chúng tôi đã nói chuyện đến tận sáng.
- 5 약속을 잊지 않도록 달력에 표시해 두었어요.
Tôi đã đánh dấu trên lịch để không quên cuộc hẹn.
- 6 음식이 상하지 않도록 냉장고에 넣어 주세요.
Hãy cho vào tủ lạnh để thức ăn không bị hỏng.

So sánh với

-(으)려고

-(으)려고 cần một chủ ngữ và diễn tả ý định của chính bạn; -도록 cho phép hai chủ ngữ và nêu mục tiêu có thể liên quan đến người khác.

사려고 돈을 모아요. (Tôi để dành tiền để mua) / 아이가 사도록 돈을 줘요. (Tôi đưa tiền để đứa trẻ có thể mua)

-게 하다

-게 하다 bắt ai đó làm gì; -도록 하다 yêu cầu họ lo liệu việc đó. Cái sau mềm mỏng hơn rõ rệt và thường dùng trong chỉ dẫn lịch sự.

일찍 오게 했어요. (Tôi đã bắt họ đến sớm) / 일찍 오도록 하세요. (Hãy chú ý đến sớm nhé)

-기 위해서

Cũng chỉ mục đích, và cũng cho phép mục tiêu trừu tượng. -도록 tự nhiên hơn khi mục tiêu là một tình trạng nào đó nên hoặc không nên xảy ra.

건강을 지키기 위해서 운동해요. / 병에 걸리지 않도록 운동해요.

Lưu ý

- X 아이들이 잘 보려고 크게 썼어요.
O 아이들이 잘 보도록 크게 썼어요.
-(으)려고 yêu cầu cùng chủ ngữ ở cả hai mệnh đề. Ở đây bọn trẻ nhìn còn bạn viết, nên -도록 là lựa chọn duy nhất.
- X 감기에 걸리지 않았도록 조심하세요.
O 감기에 걸리지 않도록 조심하세요.
-도록 không bao giờ mang thì. Mục tiêu nằm ở phía trước, nên chỉ cần gốc từ nguyên dạng.
- X 저녁을 만들도록 하세요. — với ý “Tôi đã bắt cô ấy nấu cơm”
O 저녁을 만들게 했어요.
-도록 하다 là lời chỉ dẫn cho người nghe. Để nói rằng bạn đã bắt ai đó làm gì, hãy dùng -게 하다.